

Số: /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân cấp thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Thực hiện Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12 tháng 04 năm 2025 hội nghị lần thứ 11 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

Thực hiện Kết luận số 167 - KL/TW ngày 13 năm 6 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh và cấp xã từ ngày 01/7/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 105//TTr-SNNMT ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Văn bản số 1475/SNNMT-QLĐĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung các quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập ban hành.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định và Quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập ban hành để tiếp tục thực hiện trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Yên Bái trước sáp nhập cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các xã, phường gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã.”

2. Sửa đổi khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Trường hợp diện tích thửa đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi đất nhỏ hơn 100m² mà người sử dụng đất có đề nghị thu hồi đất thì được cơ quan Nhà nước thu hồi. Trường hợp diện tích đất nông nghiệp còn lại của thửa đất sau khi thu hồi mà lớn hơn 100m² nhưng không có lối vào hoặc không thể tiếp tục canh tác thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định đối với từng dự án và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định.”

3. Sửa đổi khoản 1, 3 và 5 Điều 17 như sau:

“1. Trên cơ sở các quỹ đất được giao quản lý, khai thác, Tổ chức phát triển quỹ đất tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có trách nhiệm xây dựng phương án cho thuê đất đối với những thửa đất có khả năng khai thác ngắn hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án. Trong phương án phải thể hiện rõ diện tích, vị trí khu đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn cho thuê và dự kiến giá khởi điểm cho thuê đất, tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình của các tổ chức, cá nhân thuê đất.

3. Sau khi Phương án cho thuê đất được phê duyệt, Tổ chức phát triển quỹ đất tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có trách nhiệm xây dựng đơn giá khởi điểm cho thuê đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá khởi điểm, lập danh mục các khu đất, thửa đất có khả năng cho thuê ngắn hạn, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Nội dung công khai bao gồm bản đồ và danh mục các khu đất trong đó thể hiện rõ diện tích, vị trí khu đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn cho thuê và giá khởi điểm cho thuê đất.

5. Tổ chức phát triển quỹ đất tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực xem xét đơn xin thuê đất để lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đề xuất đơn giá thuê cao nhất để cho thuê đất trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày công bố, công khai.”

4. Sửa đổi khoản 5 và 6 Điều 19 như sau:

“5. Kết thúc thời gian công bố công khai nếu nhận được ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân thì Ủy ban nhân dân xã nơi có đất chủ trì phối hợp với tổ chức được giao thực hiện dự án đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trong thời hạn 5 ngày phải tổ chức họp đối thoại hoặc có văn bản phúc đáp, trả lời.

Trường hợp không nhận được ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân thì Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án giao đất, cho thuê đất.

6. Khi phê duyệt phương án giao đất, cho thuê đất nếu mục đích sử dụng đất của các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt không phù hợp với mục đích sử dụng đất trong phương án giao đất, cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ đề nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trước khi phê duyệt phương án giao đất, cho thuê đất.”

5. Sửa đổi điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều 20 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục thẩm định, xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất

đ) Sau khi hoàn thành các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao đất ở cho các cá nhân đối với từng trường hợp đủ điều kiện

3. Thành phần hồ sơ giao đất gồm:

đ) Tờ trình của phòng chuyên môn thuộc cấp xã về việc đề nghị ban hành Quyết định giao đất ở cho cá nhân đối với các trường hợp đủ điều kiện.”

6. Sửa đổi các điểm b, c, d khoản 5 Điều 21 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục xác định phần diện tích đủ điều kiện tách thành dự án độc lập để đấu giá quyền sử dụng đất

b) Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản xin ý kiến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia ý kiến vào dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Ngoài ra trong văn bản tham gia Sở Tài chính phải đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận rõ các thông tin về diện tích các loại đất, người sử dụng đất, hiện trạng đất đai, tài sản trên đất và thông tin hạ tầng kỹ thuật tiếp giáp khu đất đề xuất dự án làm cơ sở để xem xét xác định hình thức thuê đất của dự án.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã ngoài các nội dung tham gia vào dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ phải thể hiện rõ các thông tin liên quan đến về khu đất như diện tích từng loại đất, người sử dụng đất, hiện trạng đất đai, tài sản trên đất và thông tin hạ tầng kỹ thuật tiếp giáp khu đất đề xuất dự án để gửi cho Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường;

d) Sau khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 5 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản xác định về hình thức thuê đất của dự án và gửi cho Sở Tài chính.

Đối với trường hợp các dự án đáp ứng đủ các điều kiện tách thành dự án độc lập thì Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất, giao đơn vị quản lý quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận, đơn vị được giao quản lý quỹ đất thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã nơi có đất tiếp nhận và trả kết quả. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã phải chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực.”

Điều 3. Bổ sung khoản 4 Điều 1 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 30/5/2023, Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập

“4. Đối với các tuyến đường, ngõ, vị trí, khu vực mà có thay đổi địa giới hành chính theo quy định tại Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 nhưng tên đơn vị hành chính tại các Phụ lục trong bảng giá đất chưa được cập nhật thì áp dụng theo tên đường, ngõ, vị trí, khu vực, giá đất đã xác định trong bảng giá đất đã ban hành để tổ chức thực hiện.”

Điều 4. Bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định

số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trước sáp nhập

“3. Đối với các tuyến đường, ngõ, vị trí, khu vực mà có thay đổi địa giới hành chính theo quy định tại Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 nhưng tên đơn vị hành chính tại các Phụ lục trong bảng giá đất chưa được cập nhật thì áp dụng theo tên đường, ngõ, vị trí, khu vực, giá đất đã xác định trong bảng giá đất đã ban hành để tổ chức thực hiện.”

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 và 2 Điều 3 Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số tiêu chí khi áp dụng phương pháp thặng dư để xác định giá đất và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái trước sáp nhập

“1. Đối với các dự án kinh doanh cho thuê văn phòng, sàn thương mại dịch vụ, thuê kho xưởng, bến bãi, dịch vụ trông giữ xe, đất trồng

a) Tại địa bàn các phường: Tỷ lệ lấp đầy trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu là 60%, tăng đều mỗi năm 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 95% và giữ ổn định hết thời gian thực hiện dự án;

b) Tại địa bàn các xã: Tỷ lệ lấp đầy trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu là 50%, tăng đều mỗi năm 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định hết thời gian thực hiện dự án.

2. Đối với các dự án kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng; đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh

a) Tại địa bàn các phường: Tỷ lệ lấp đầy trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu là 50%, tăng đều mỗi năm 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 90% và giữ ổn định hết thời gian thực hiện dự án;

b) Tại địa bàn các xã: Tỷ lệ lấp đầy trong năm đầu tiên phát sinh doanh thu là 50%, tăng đều mỗi năm 10%/năm cho đến khi đạt mức tối đa là 85% và giữ ổn định hết thời gian thực hiện dự án.”

Điều 6. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản của các Quyết định

1. Thay thế các cụm từ

a) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*”, bằng cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp xã*” tại điểm c khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 30, Điều 68, Điều 78 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

b) Thay thế cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường*” tại khoản 2 Điều 17 Quyết định số 28/2019/QĐ - UBND ngày 30/12/2019, Điều 3 Quyết định số 13/2023/QĐ - UBND ngày 30/5/2023, Điều 2 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024, Điều 3 Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 và Điều 3 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

c) Thay thế cụm từ “*Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện*” bằng cụm từ “*Đối với các phường*” tại khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 45, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 49, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 60, khoản 1 Điều 61, khoản 1 Điều 62, khoản 1 Điều 63, khoản 1 Điều 64 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

d) Thay thế cụm từ “*Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc sau:*” bằng cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:*” trong đoạn dẫn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 31 và điểm a, b khoản 1 Điều 32 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

đ) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân tỉnh*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

e) Thay thế cụm từ “*Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện các công việc sau:*” bằng cụm từ “*Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:*” trong đoạn dẫn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a

khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm a khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 1 Điều 42, điểm a khoản 1 Điều 43, điểm b khoản 3 Điều 44, điểm a khoản 1 Điều 45 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

g) Thay thế cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*” bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 1 Điều 41, điểm c khoản 1 Điều 42, điểm b khoản 1 Điều 43, điểm b khoản 1 Điều 45 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 và khoản 1 Điều 16 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30/8/2024) của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập).

2. Bãi bỏ cụm từ

a) Bãi bỏ cụm từ “và các thị trấn” tại điểm a khoản 1 Điều 14 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024.

b) Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại điểm a khoản 1 Điều 15, điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 16, điểm a, b và c khoản 2 Điều 21 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập).

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 68, 69 và 78 Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập);

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Quy định chuyên tiếp

a) Trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã nộp trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì nay tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục nêu trên thực hiện theo quyết định này.

b) Trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã nộp sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì nay tiếp tục giải quyết theo quy định tại quyết định này;

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn